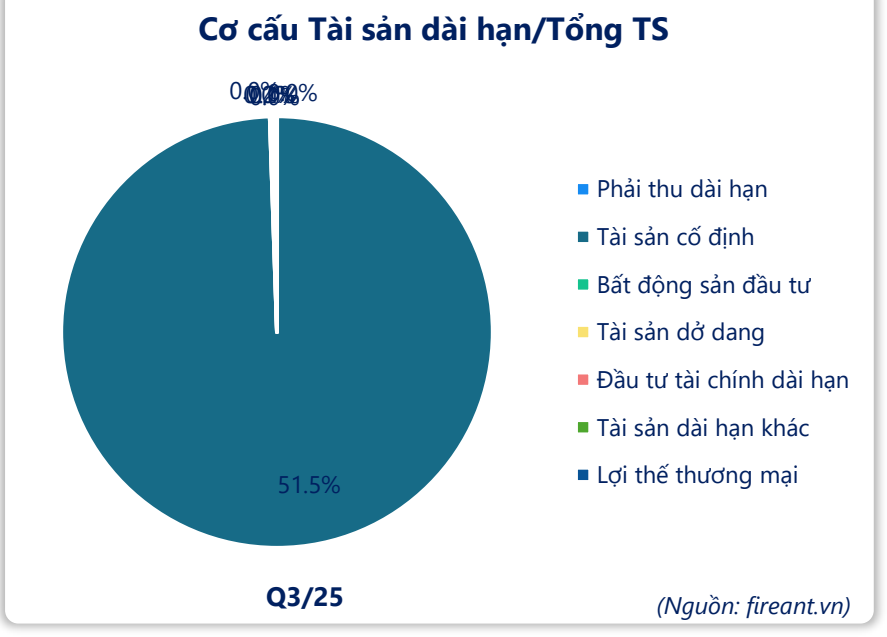
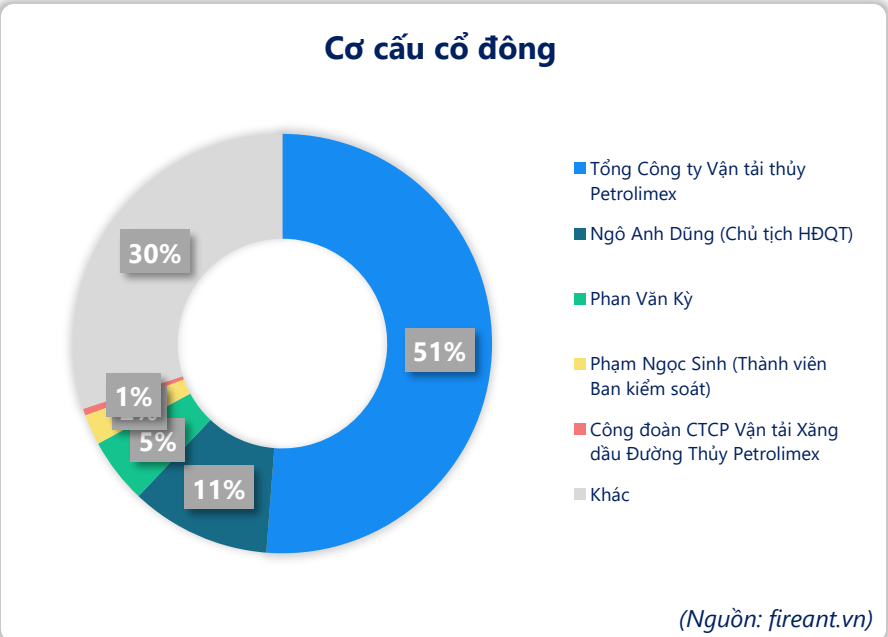
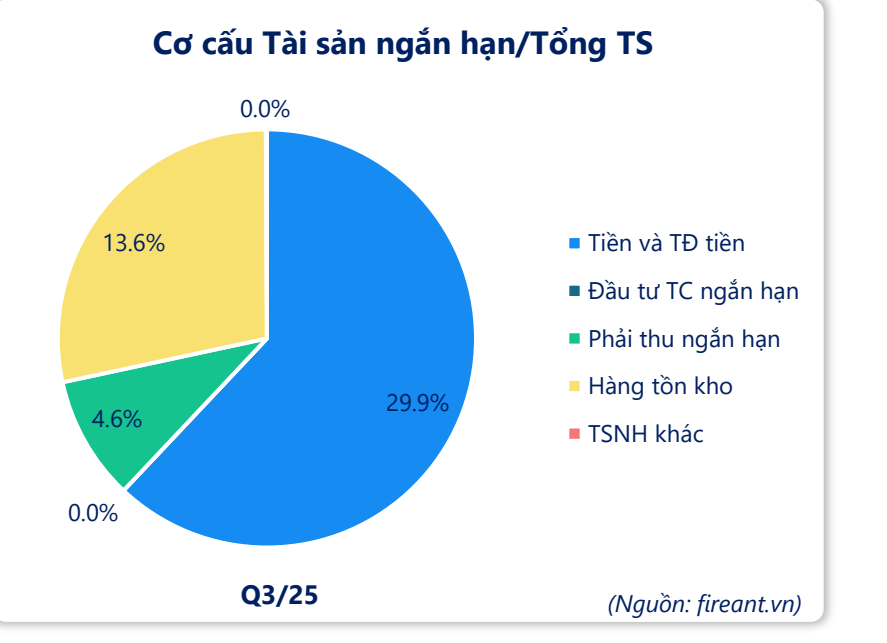
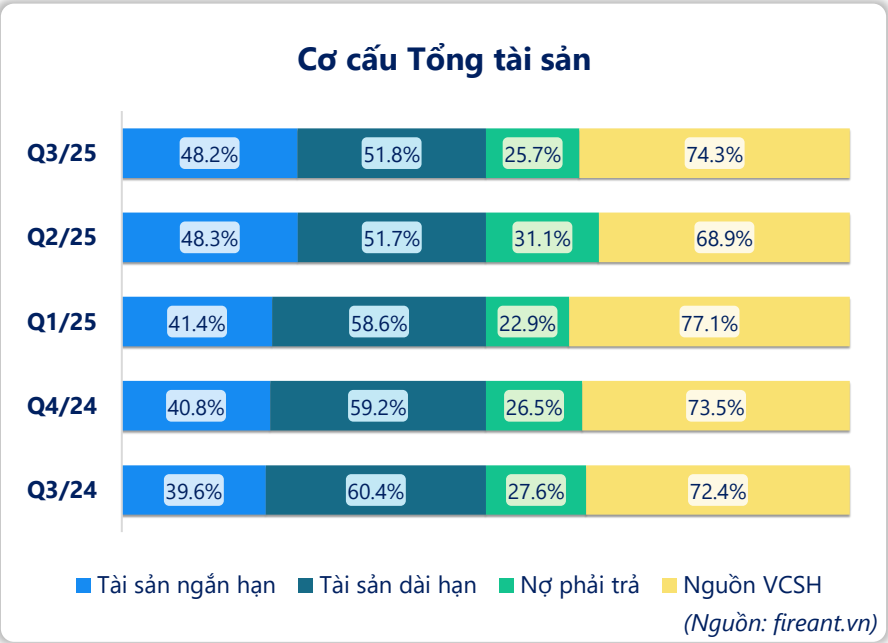
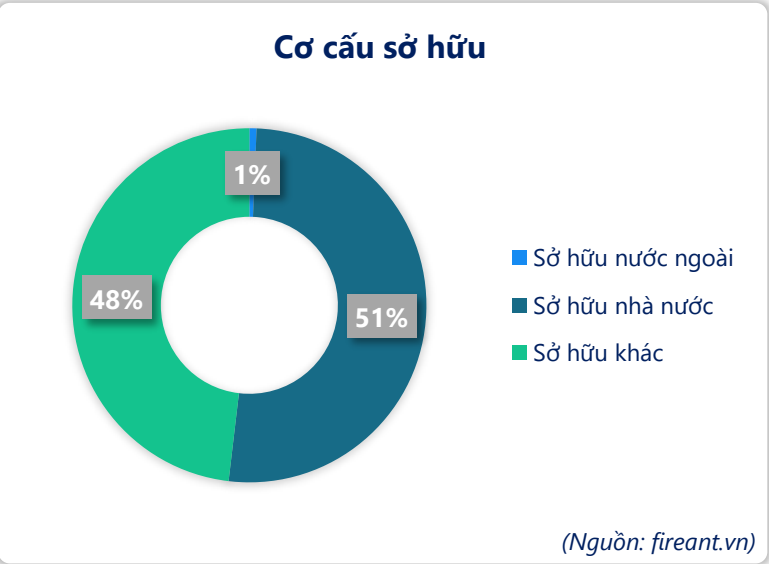
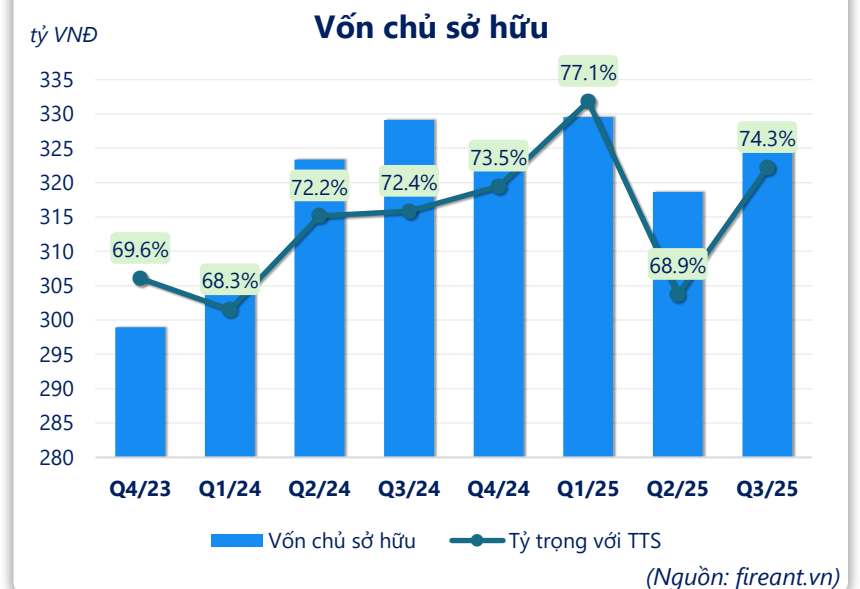
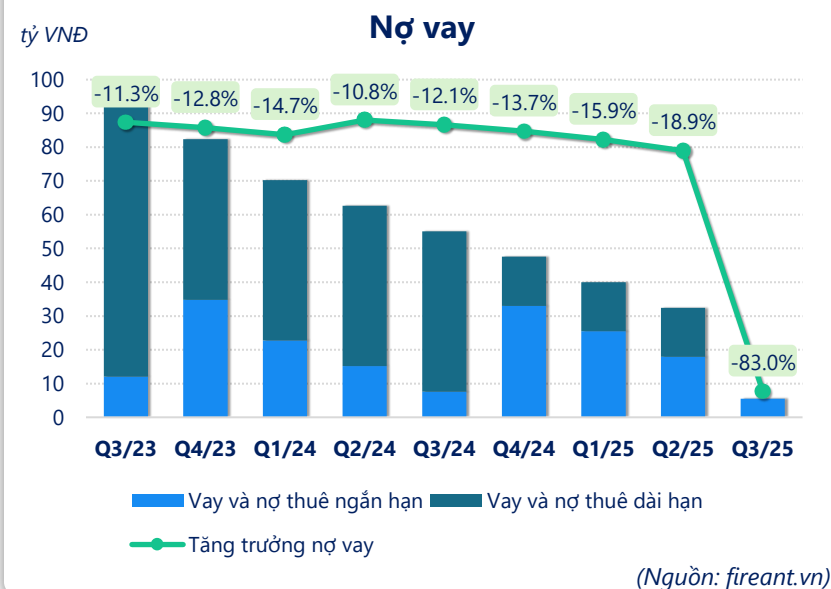
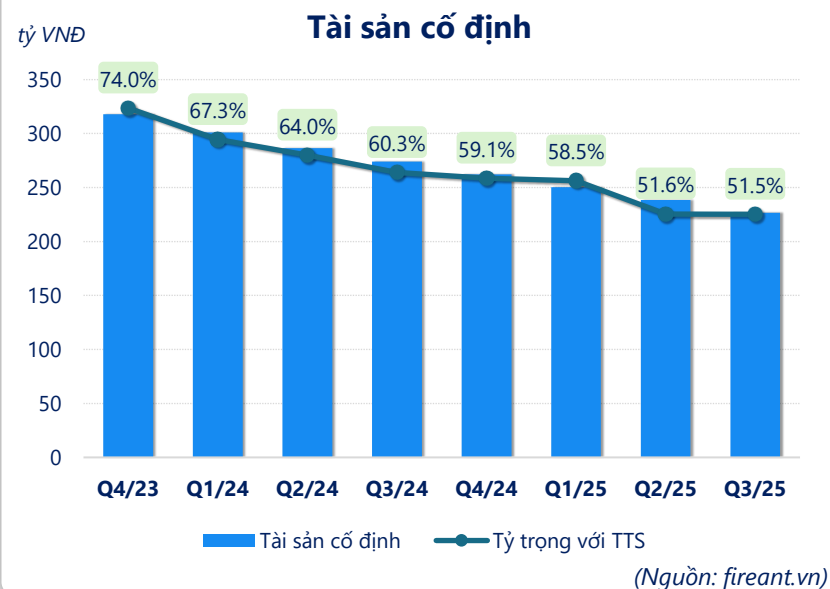
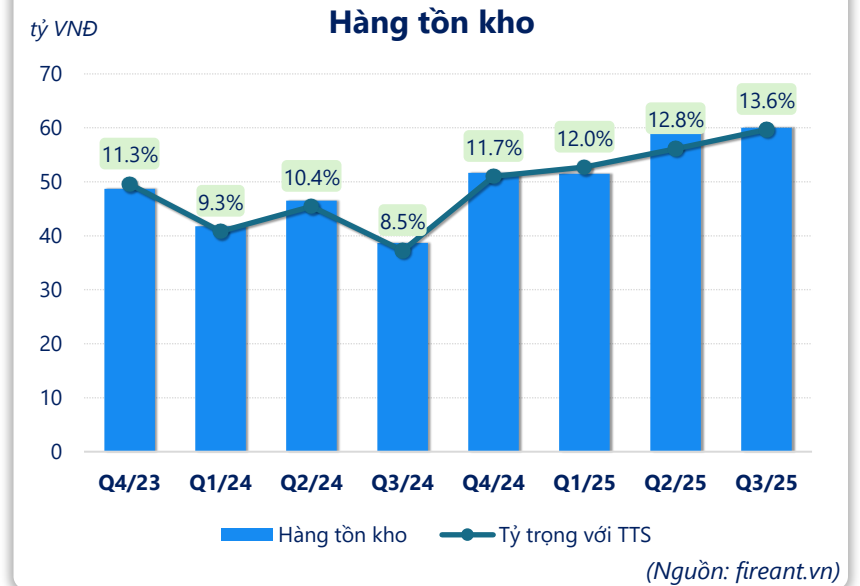
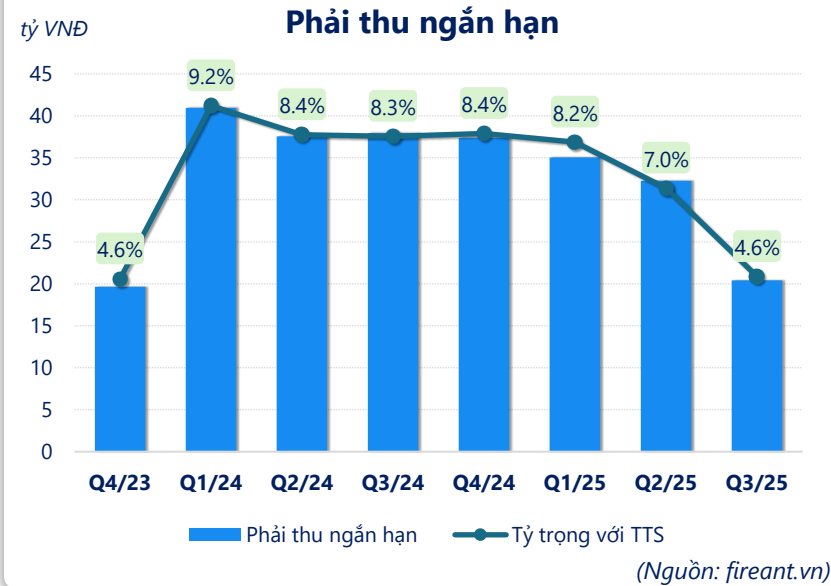
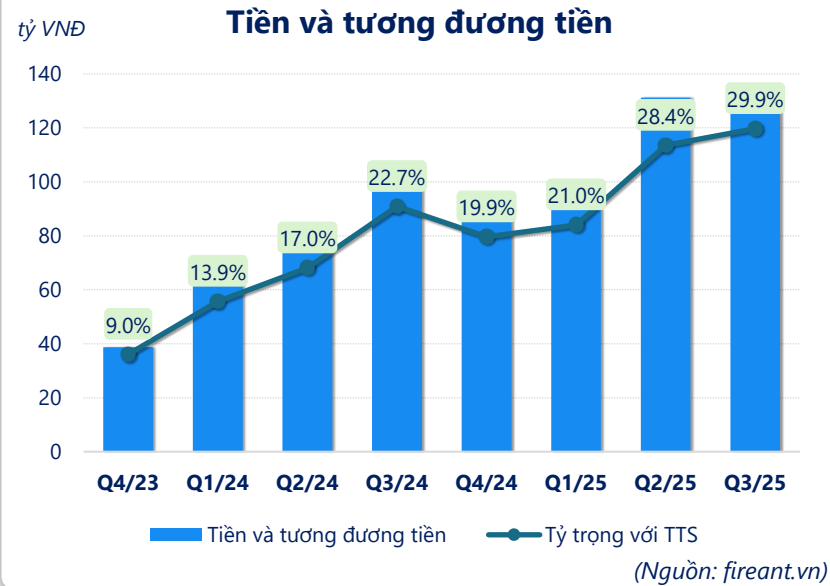
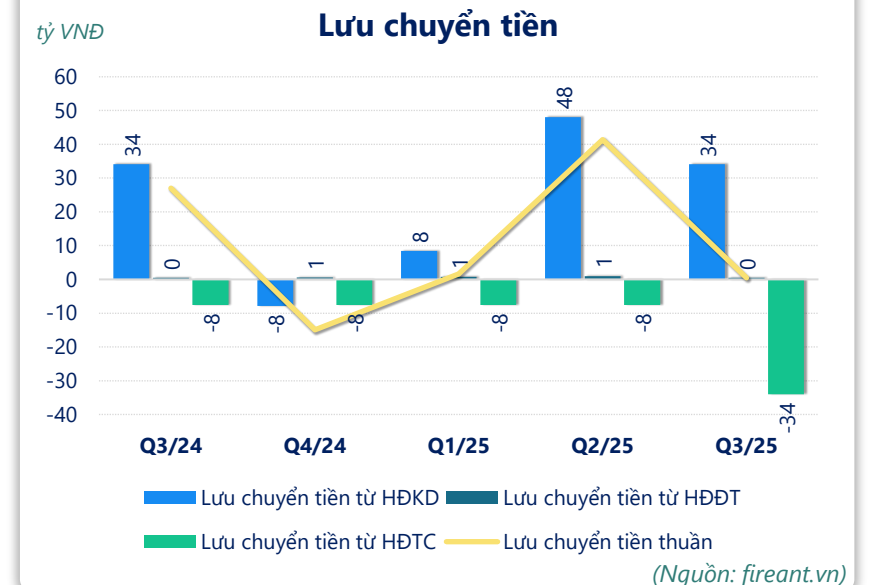
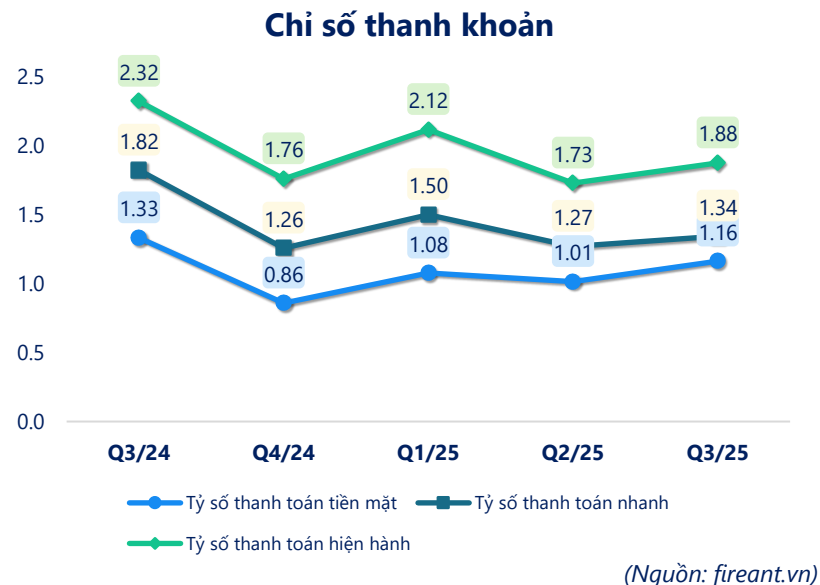
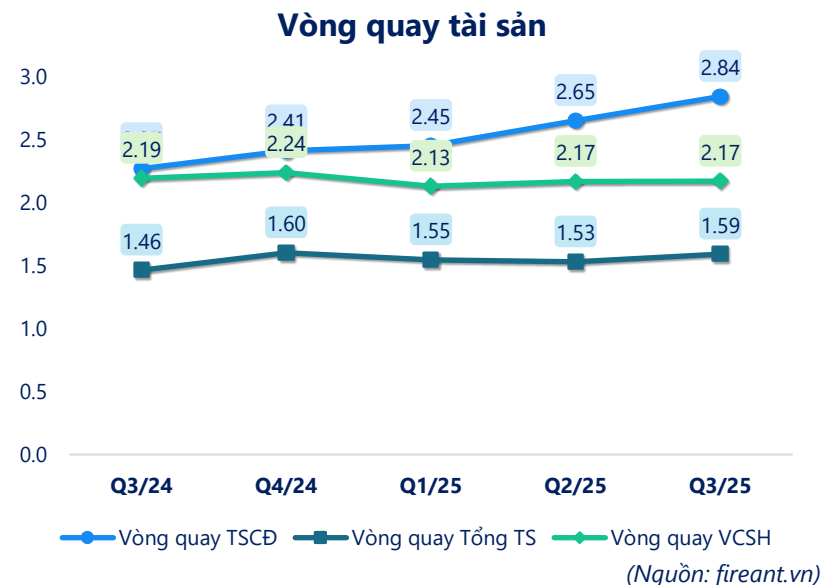
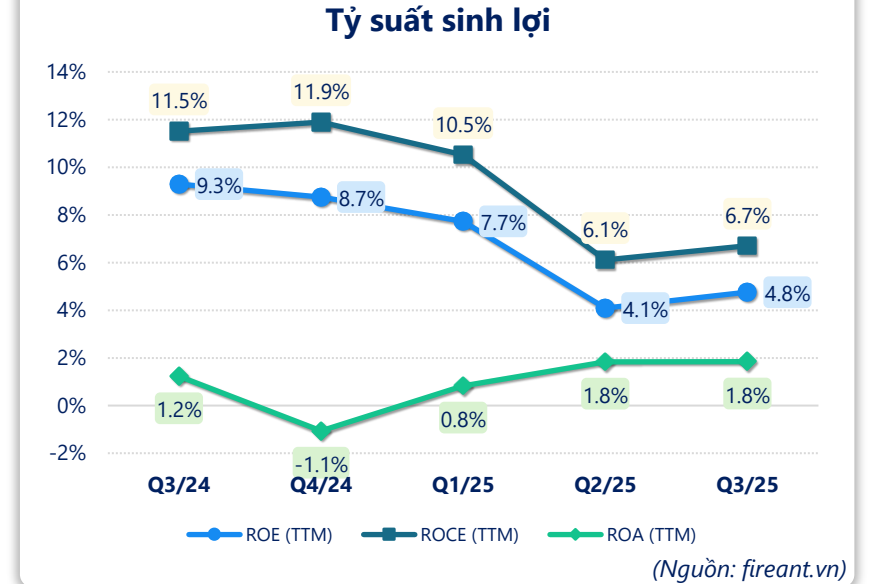
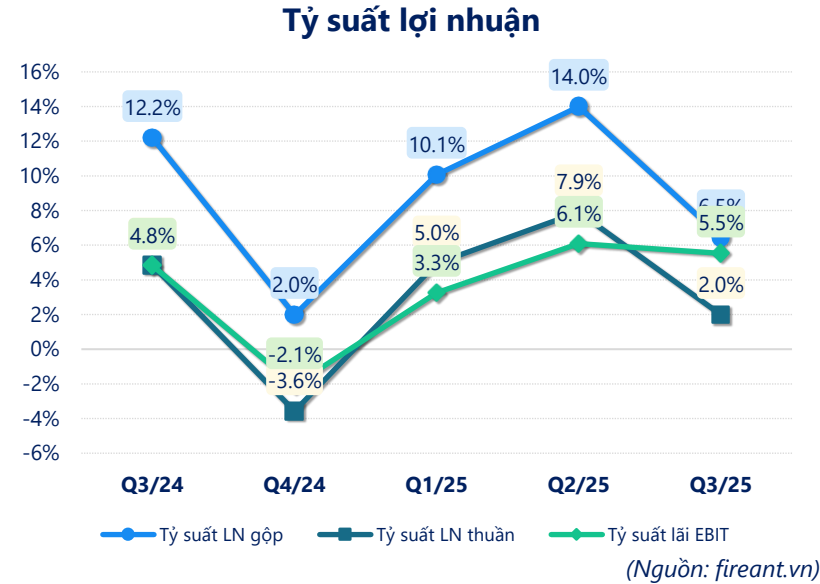
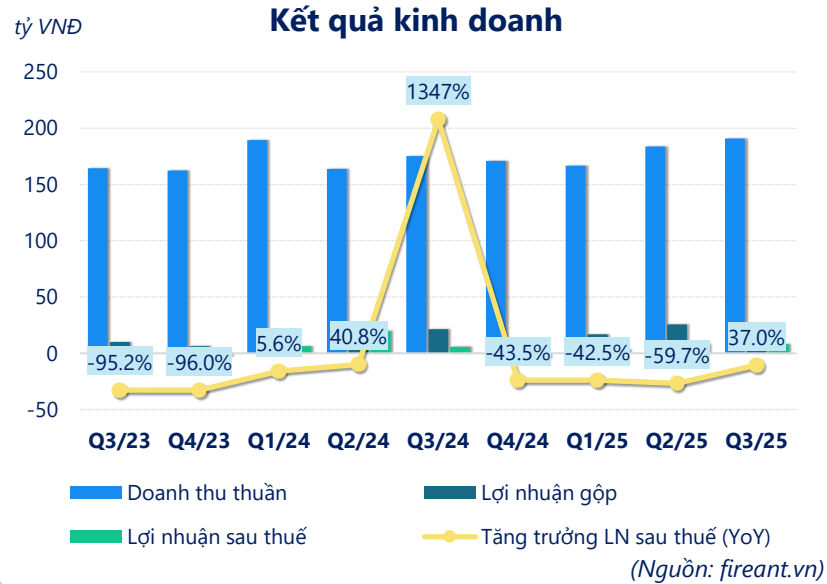


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,490
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,327
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,873
SL cổ phiếu LH		24,882,785
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,060
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		236
P/E		15.1
EPS		627

	YTD	1T	3T	6T
PJT	-6.5%	2.6%	-4.7%	-4.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	440	444	-0.8%
Tài sản ngắn hạn	212	181	17.4%
Tiền và tương đương tiền	132	88.2	49.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	20.4	37.4	-45.4%
Hàng tồn kho	60.0	51.7	16.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.18	3.60	-95.1%
Tài sản dài hạn	228	263	-13.3%
Phải thu dài hạn	0.01	0.03	-54.0%
Tài sản cố định	227	262	-13.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.68	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.33	0.33	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.20	0.07	202%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	113	118	-3.7%
Nợ ngắn hạn	113	103	10.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.50	33.0	-83.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	40.5	46.6	-13.1%
Nợ dài hạn	0	14.8	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	14.5	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	327	326	0.3%
Vốn chủ sở hữu	327	326	0.3%
Vốn điều lệ	249	249	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	175	171	167	184	191
Giá vốn hàng bán	154	167	150	158	178
Lợi nhuận gộp	21.3	3.39	16.8	25.7	12.3
Doanh thu HĐTC	0.49	0.95	0.70	1.04	1.15
Chi phí TC	1.20	1.02	0.86	0.71	0.21
Chi phí lãi vay	1.14	1.02	0.84	0.71	0.21
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	12.2	9.43	8.36	11.5	9.50
LN thuần từ HĐKD	8.48	-6.10	8.26	14.5	3.78
Lợi nhuận khác	-1.17	1.54	-3.67	-4.04	6.56
LN trước thuế	7.31	-4.56	4.58	10.5	10.3
Lợi nhuận sau thuế	5.77	-4.63	3.64	8.35	8.24
LNST của CĐ cty mẹ	5.77	-4.63	3.64	8.35	8.24

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	34.1	-7.90	8.45	48.0	34.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.49	0.54	0.72	0.93	0.43
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.57	-7.57	-7.57	-7.57	-34.0
Tiền đầu kỳ	76.2	103	88.2	89.9	131
Lưu chuyển tiền thuần	27.0	-14.9	1.61	41.4	0.46
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.01	0.01	0.00	0
Tiền cuối kỳ	103	88.2	89.9	131	132

(Nguồn: fireant.vn)